

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025  
của Thống kê tỉnh Lâm Đồng (Lần 4)**

**TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-CTK ngày 24/10/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc thông báo số tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 và điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng, phòng Tổ chức - Hành chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thống kê tỉnh Lâm Đồng (lần 4) (chi tiết tại các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng, phòng Tổ chức - Hành chính; Kế toán Thống kê tỉnh Lâm Đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Kế hoạch Tài chính - CTK;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Lưu: KT, VT.

**TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH**



**Phạm Quốc Hùng**



Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Thống kê tỉnh Lâm Đồng**  
Chương: **018**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-TKT ngày 29/10/2025 của Trưởng Thống kê tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

| STT       | Nội dung                                           | Tổng số được giao tại<br>Quyết định 1236/QĐ-<br>CTK ngày<br>24/10/2025 | Tổng số được phân<br>bố cho Thống kê<br>tỉnh Lâm Đồng |
|-----------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| <b>A</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                                                                        |                                                       |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              |                                                                        |                                                       |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | (166.000.000)                                                          | (166.000.000)                                         |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      | (166.000.000)                                                          | (166.000.000)                                         |
|           | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   | (166.000.000)                                                          | (166.000.000)                                         |
|           | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             | -                                                                      | -                                                     |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                                                                        |                                                       |
| 2.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                                                                        |                                                       |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                                                                        |                                                       |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                                                                        |                                                       |
| 2.2       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                                                                        |                                                       |
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                                                                        |                                                       |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | -                                                                      | -                                                     |
|           | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                                                                        |                                                       |
|           | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | -                                                                      | -                                                     |
| <b>4</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                       |                                                                        |                                                       |
|           | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                                                                        |                                                       |
| <b>5</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>             |                                                                        |                                                       |
|           | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                                                                        |                                                       |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                          |                                                                        |                                                       |

